

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN HỒNG TRANG

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI
ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Mã số: 9229008

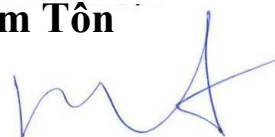
HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Đỗ Thị Thạch



2. TS. Nguyễn Kim Tôn



Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi..... giờ..... ngày tháng..... năm 2026

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện quốc gia
Và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

An sinh xã hội là một trong những nhu cầu tất yếu trong cuộc sống con người và sự phát triển của xã hội. Cùng với an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh sinh thái, ... ASXH giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc ổn định đời sống nhân dân, củng cố nền tảng phát triển bền vững của đất nước. Ở Việt Nam, xây dựng và thực hiện chính sách ASXH luôn là chủ trương nhất quán, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Nhà nước và trách nhiệm của toàn xã hội nhằm bảo đảm sự an toàn, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và phát huy truyền thống nhân văn tốt đẹp của dân tộc Việt Nam như “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (2026) xác định: “Bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và an ninh con người. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, ... Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu có chất lượng; ưu tiên các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế và đối tượng trong khu vực phi chính thức”. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó chính sách ASXH nhằm hỗ trợ giúp đỡ NKT có cơ hội phát triển, vượt qua khó khăn, đảm bảo công bằng xã hội cần được đặc biệt quan tâm.

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 7,8 % dân số là NKT. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách ASXH nhằm bảo đảm quyền và tạo điều kiện cho NKT ổn định cuộc sống, từng bước hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, do tác động của cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, một bộ phận NKT vẫn phải đối mặt với nhiều rào cản về kinh tế, tiếp cận dịch vụ xã hội, việc làm và đời sống tinh thần. Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng đến giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc mà còn tác động đến việc thực hiện chủ trương phát triển theo phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau” trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng XHCN, cần phải có giải pháp khắc phục kịp thời.

ĐBSCL là một trong những vùng còn nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, xã hội. Hiện nay, trên toàn vùng ĐBSCL có hơn 300.000 NKT, chiếm khoảng 4,84% NKT trên cả nước. Xét theo vùng KT-XH, ĐBSCL là một trong những vùng có tỷ lệ NKT (từ 2 tuổi trở lên) cao nhất cả nước, chiếm 7,54% dân số. Mặc dù những năm qua, NKT trong vùng đã được thụ hưởng nhiều chính sách ASXH, song vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể về mức sống và cơ hội tham gia xã hội. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những hạn chế trong tổ chức thực hiện chính sách, trở thành rào cản đối với quá trình hòa

nhập và khẳng định vị thế của NKT. Vì vậy, việc tăng cường các biện pháp nhằm giảm thiểu tự kỳ thị và kỳ thị xã hội là yêu cầu cần thiết, qua đó tạo điều kiện để NKT phát huy năng lực, nâng cao sự tự tin và tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng, giảm khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, đóng góp cho sự phát triển đất nước.

Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 02/4/2022 về *phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn 2045* đã đặt ra mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của vùng ĐBSCL đến năm 2030 trở thành khu vực có “Môi trường sống bền vững, chất lượng sống tốt cho người dân”. Để hiện thực hóa mục tiêu này, việc nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT thông qua đánh giá toàn diện kết quả, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp, là yêu cầu cấp thiết. Đây chính là lý do tác giả lựa chọn đề tài **“Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”** để nghiên cứu trong luận án Tiến sĩ ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Trên cơ sở hệ thống, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về thực hiện chính sách ASXH đối với NKT, luận án phân tích thực trạng thực hiện và đề xuất một số giải pháp tăng cường hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.
- Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL.
- Phân tích thực trạng thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL, nguyên nhân và vấn đề đặt ra hiện nay.
- Đề xuất những yêu cầu và giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

Luận án nghiên cứu việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL.

3.2. Phạm vi

Về nội dung: Luận án nghiên cứu việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT trong các lĩnh vực: Bảo trợ xã hội; Chăm sóc sức khỏe; Giáo dục;

Dạy nghề và việc làm. Đây là những nội dung còn nhiều hạn chế trong thực hiện ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL hiện nay.

Về không gian: Luận án nghiên cứu việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL thông qua khảo sát tại TP. Cần Thơ (gồm TP Cần Thơ cũ và tỉnh Sóc Trăng cũ); tỉnh An Giang (tỉnh Kiên Giang cũ). Đây là các địa phương có NKT và NKT là đồng bào dân tộc thiểu số (người Khmer) chiếm tỷ lệ cao trong vùng.

Về thời gian: Luận án nghiên cứu việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT từ năm 2011 đến nay và đề xuất các giải pháp đến năm 2030. Đây là thời kỳ đánh dấu việc đề ra và chỉ đạo thực hiện một cách toàn diện CSXH nói chung và chính sách ASXH đối với NKT nói riêng của Đảng và Nhà nước Việt Nam: Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020”, Chiến lược ASXH Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Luật Người khuyết tật năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chính sách xã hội, ASXH, NKT, thực hiện chính sách ASXH đối với NKT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như: lịch sử, lôgic, phân tích, tổng hợp, khái quát, điều tra xã hội học, so sánh, thống kê, đối chiếu, ... Trong đó, tác giả áp dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp*, luận án kế thừa kết quả nghiên cứu của những công trình nghiên cứu liên quan, các báo cáo, tổng kết của TW và địa phương liên quan đến ASXH, NKT, thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL.

- *Phương pháp phân tích tổng hợp* giúp tác giả có nhận thức sâu sắc, toàn diện, khái quát, bảo đảm tính khoa học và logic của nghiên cứu.

- *Phương pháp điều tra xã hội học*, tác giả luận án tiến hành điều tra khảo sát điểm bằng phiếu lấy ý kiến:

+ Đối tượng: 1) Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại Hội Người khuyết tật, Sở Nội vụ, Trung tâm BTEXH, Trung tâm Công tác xã hội; 2) NKT, người thân hoặc người nuôi dưỡng NKT.

+ Số lượng phiếu: Tác giả luận án tiến hành trưng cầu ý kiến bằng phiếu đối với 120 cán bộ, công chức, viên chức công tác tại Hội NKT, Sở Nội vụ, Trung tâm BTXH, Trung tâm Công tác xã hội; 300 phiếu đối với NKT, người thân hoặc người nuôi dưỡng NKT.

+ Địa bàn: 02 tỉnh, thành phố: TP. Cần Thơ, tỉnh An Giang.

+ Thời gian điều tra: từ tháng 02 đến tháng 8 năm 2025.

5. Đóng góp mới về khoa học

Thứ nhất, luận án đã tập trung làm rõ hệ thống các khái niệm cơ bản có liên quan đến đề tài (ASXH, NKT, thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL). Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu: Nội dung thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL. Nhận diện các yếu tố tác động đến việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng này.

Thứ hai, trên cơ sở khung lý thuyết được xây dựng, luận án đã tập trung phân tích làm rõ thực trạng thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL hiện nay, gồm: chính sách BTXH, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề và tạo việc làm cho NKT). Phân tích các nguyên nhân của thực trạng, chỉ ra những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL hiện nay.

Thứ ba, luận án đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm góp phần nâng cao việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng và cả nước hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Về lý luận:

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần làm rõ hơn về nội dung, tầm quan trọng của việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL; đề xuất kiến nghị góp phần sửa đổi, bổ sung cũng như phương thức thực hiện những chính sách và chương trình trợ giúp NKT theo hướng lồng ghép những chính sách đặc thù đối với NKT ở vùng ĐBSCL.

Về thực tiễn:

Đây là đề tài nghiên cứu có tính hệ thống đầu tiên về thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL nên có thể làm tài liệu tham khảo cho những cá nhân, tổ chức liên quan góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL nói riêng, một số tỉnh, thành trên phạm vi cả nước nói chung.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án gồm có 04 chương (08 tiết).

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TIÊU BIỂU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội

Chính sách an sinh xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội là một nội dung quan trọng trong việc ổn định đời sống nhân dân, củng cố nền tảng phát triển của đất nước. Đây là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhiều công trình khoa học đi sâu nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội. Các kết quả nghiên cứu được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, sách tham khảo, tạp chí khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, luận án, một số công trình tiêu biểu có thể kể đến, các tác giả nước ngoài như: Dominique Anxo, Gerhard Bosch, Jill Rubery; Rebecca Surrender, Robert Walker; Joakim Palme, Eskil Wadensjö; Christian Aspalter; Đặng Đại Tùng;... Các tác giả trong nước như: Lê Hoàng Hải, Lê Thị Thúy Hương; Nguyễn Thị Thanh; Nguyễn Duy Hùng; Vũ Văn Phúc; Nguyễn Văn Chiểu; Lê Anh; Lê Hữu Nghĩa; Bùi Sỹ Lợi; Đặng Nguyên Anh; Đoàn Minh Huân; Lại Quốc Khánh, Phạm Thị Thúy Vân; Lê Thị Hoài Thu; Hồ Sỹ Ngọc; Hội đồng Lý luận Trung ương;...

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về người khuyết tật, chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật và thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật

Nghiên cứu về người khuyết tật, chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật và thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật có các tác giả trong và ngoài nước tiêu biểu như: Michael Oliver, Colin Barnes; Dan Goodley, Ruth Hawkins; Mark Priestley, Simon Darcy; Roger J. Lewis; Marcia Rioux, William A.D. Smith; Genova Scavarda, Świątkiewicz-Mośny; Arie Rimmerman; Nguyễn Thị Báo; Đinh Thị Cẩm Hà; Phan Thanh Minh;

Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Ngô Minh Hương, Lã Khánh Tùng; Nguyễn Thị Mơ; Dương Thị Hoài Nhung, Lê Thái Phong, Trần Thị Ngọc Hạnh, Nguyễn Thị Khánh Chi, Thái Thanh Hà; Nguyễn Thu Trang; Nguyễn Thị Thu Hà; Trần Thế Hệ; Nguyễn Mai Phương; Đoàn Hữu Minh;...

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về người khuyết tật và thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Những công trình nghiên cứu về người khuyết tật và thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long của các tác giả tiêu biểu như: Tony Dowden, Jonathan H. K. Evans; Julian S. Wessels; Mai Thi Nguyen; Nguyen Thi Bich Thuy, Michael J. Williams; Hoa Thi Le, Robert A. Jenkins; Kien Nguyen-Trung, Michael Simon, Thi Huyen Do, Thi Thu Thuy Trinh, Diu Thi Le, Phuong Anh Nguyen, Giang Hong Nguyen, Jenny Flynn; Lê Trần Huyền Trân, Hồ Nguyễn Phương Uyên;...

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH TỔNG QUAN VÀ NHỮNG NỘI DUNG LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả các công trình tổng quan

Một là, về lý luận ASXH và thực hiện chính sách ASXH đối với NKT nói chung, ở Việt Nam và ở ĐBSCL.

Nhiều nghiên cứu hiện nay đã tập trung làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cốt lõi liên quan đến chính sách ASXH, đặc biệt là các khái niệm nền tảng như ASXH, chính sách ASXH và NKT. Các công trình này phân tích nội hàm, mục tiêu và ý nghĩa của chính sách ASXH đối với NKT, qua đó hình thành cơ sở lý thuyết quan trọng cho việc xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ nhóm đối tượng này. Đồng thời, các nghiên cứu cũng chỉ ra những điều kiện cần thiết để bảo đảm chính sách ASXH vận hành hiệu quả, bao gồm cơ chế tài chính, nguồn nhân lực và sự phối hợp giữa các cơ quan thực thi, nhằm nâng cao tính hiệu lực và tính công bằng trong quá trình triển khai.

Những công trình nghiên cứu này đóng vai trò là nguồn tư liệu quan trọng cho luận án về thực hiện chính sách ASXH đối với NKT, góp phần hình thành nền tảng lý luận trong việc làm rõ các khái niệm, nội dung, mục tiêu và ý nghĩa của chính sách ASXH, cũng như vai trò của chính sách trong bảo vệ quyền lợi và thúc đẩy sự hòa nhập xã hội của NKT. Tuy vậy, các nghiên cứu

hiện có chưa đề cập trực tiếp đến những vấn đề mang tính đặc thù theo vùng, đặc biệt là chưa đề cập đến quan niệm và cách thức thực hiện chính sách ASXH đối với NKT tại khu vực ĐBSCL, nơi có những đặc trưng riêng về văn hóa, xã hội và kinh tế.

Ngoài ra, các nghiên cứu hiện hành vẫn chưa phân tích một cách sâu sắc vai trò cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực thi chính sách ASXH dành cho NKT ở khu vực ĐBSCL. Đây là vùng đang đứng trước nhiều trở ngại trong tổ chức thực hiện, từ sự thiếu thống nhất giữa các chương trình hỗ trợ, hạn chế về nguồn lực cho đến sự không đồng đều về trình độ phát triển của các tỉnh. Việc thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề này dẫn đến khó khăn trong việc đề ra các giải pháp khả thi và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT tại ĐBSCL trong thời gian tới.

Hai là, về thực tiễn thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở nước ta trong từng nội dung như: dạy nghề, tạo việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và BTXH cho NKT.

Các công trình nghiên cứu đã chỉ ra một cách rõ ràng những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT trong từng lĩnh vực, bao gồm chăm sóc sức khỏe, giáo dục, việc làm và trợ cấp xã hội. Những thành tựu được ghi nhận chủ yếu là sự mở rộng các chương trình hỗ trợ, cải thiện cơ hội việc làm và nâng cao mức sống cho NKT thông qua các chính sách dạy nghề và tạo việc làm. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế đáng chú ý, như sự thiếu đồng bộ trong việc triển khai các chính sách giữa các địa phương, sự phân bổ nguồn lực chưa hợp lý và một số khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ ASXH đối với NKT. Nguyên nhân của các hạn chế này thường liên quan đến các yếu tố như hạn chế về tài chính, cơ sở hạ tầng chưa phát triển đồng đều và sự thiếu hụt về nhận thức cộng đồng trong việc hỗ trợ NKT.

Đặc biệt, một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến việc thực hiện các chính sách dạy nghề và tạo việc làm cho NKT ở một số tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL, nơi mà NKT gặp phải nhiều thách thức trong việc hòa nhập vào thị trường lao động. Những công trình này không chỉ tập trung vào các chính sách

mà còn làm rõ các yếu tố tác động như điều kiện tự nhiên, KT-XH và tình hình cụ thể của NKT ở từng địa phương. Việc nghiên cứu những yếu tố này là rất quan trọng để hiểu rõ bối cảnh thực hiện chính sách ASXH của vùng.

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu hiện nay chưa đề cập trực tiếp và sâu tới những đặc thù của NKT tại ĐBSCL, vùng có nhiều yếu tố khác biệt về điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư, văn hóa và hệ thống kết cấu hạ tầng. Khung đánh giá mang tính toàn diện và hệ thống về những kết quả đạt được cũng như những hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở khu vực ĐBSCL cũng chưa được đề cập trực tiếp.

Ba là, về các giải pháp tăng cường hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT trong từng lĩnh vực cụ thể ở Việt Nam cũng đã được nhiều công trình đề cập. Tuy nhiên, các công trình chưa đề cập đến những giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL.

Qua các công trình nêu trên cho thấy, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến ASXH và các nhóm yếu thế, trong đó có NKT, nhưng đến nay vẫn chưa có công trình nào xem xét một cách trực tiếp, toàn diện và có hệ thống về việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT tại khu vực ĐBSCL. Các nghiên cứu trước chủ yếu đi sâu vào từng khía cạnh riêng lẻ như chăm sóc sức khỏe, dạy nghề, hỗ trợ việc làm hoặc trợ giúp xã hội cho NKT, mà chưa phản ánh được bức tranh tổng thể về chính sách ASXH của NKT trong điều kiện đặc thù của vùng ĐBSCL.

Vì vậy, đây là những nội dung cần được làm rõ hơn, nhất là về thực trạng và các yếu tố tác động đến việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL. Nghiên cứu về vấn đề này không chỉ giúp bổ sung những lý luận và cơ sở thực tiễn về chính sách ASXH đối với NKT mà còn đóng góp những giải pháp cụ thể nhằm cải thiện và hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo quyền lợi cho NKT tại ĐBSCL, từ đó giúp họ có thể tham gia và hòa nhập đầy đủ vào đời sống xã hội.

1.2.2. Những nội dung luận án cần tập trung nghiên cứu

Một là, những vấn đề lý luận cơ bản về thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL:

Trước hết, luận án cần hệ thống, khái quát các khái niệm như: ASXH, chính sách ASXH, NKT, chính sách ASXH đối với NKT và quan niệm về

thực hiện chính sách này ở vùng ĐBSCL. Đồng thời, luận án phải xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu về thực hiện chính sách ASXH đối với NKT, làm rõ mối quan hệ giữa chủ thể thực hiện, đối tượng thụ hưởng, cơ chế vận hành và các yếu tố tác động. Trên cơ sở đó, luận án cần phân tích vai trò của chính sách ASXH đối với NKT không chỉ ở góc độ trợ giúp mà còn trong việc bảo đảm công bằng, nâng cao chất lượng sống và thúc đẩy sự hòa nhập xã hội. Cuối cùng, việc xác định rõ các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện chính sách ASXH đối với NKT tại ĐBSCL hiện nay, từ thể chế, nguồn lực, nhận thức đến sự tham gia của NKT.

Hai là, thực trạng thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL và những vấn đề đặt ra hiện nay:

Luận án cần tập trung làm rõ thực trạng thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL trên các phương diện: Bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề và tạo việc làm. Đây là những lĩnh vực then chốt phản ánh mức độ hỗ trợ và khả năng hòa nhập xã hội của NKT. Luận án cần đánh giá cụ thể những thành tựu đã đạt được, đồng thời phân tích rõ những hạn chế còn tồn tại trong từng lĩnh vực. Trên cơ sở đó, luận án phân tích nguyên nhân của thành tựu, hạn chế trong thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL. Đồng thời, luận án cần chỉ ra một số vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện chính sách ASXH đối với NKT tại ĐBSCL hiện nay, như sự thiếu đồng bộ giữa các chính sách, khoảng cách giữa chủ trương và thực tế hoặc việc hỗ trợ chưa toàn diện và bền vững. Đây là những vấn đề đặt ra cần được giải quyết để chính sách ASXH phát huy hiệu quả thực chất và lâu dài.

Ba là, về yêu cầu và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL giai đoạn 2025-2030:

Luận án cần tập trung giải quyết là nêu và phân tích một số yêu cầu nhằm thực hiện chính sách ASXH đối với NKT tại khu vực ĐBSCL trong giai đoạn 2025 - 2030. Việc xác lập và luận giải các yêu cầu mang tính định hướng này có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng nền tảng lý luận và thực tiễn cho quá trình hoạch định và triển khai chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL thời gian tiếp theo. Trên cơ sở đó, luận án cần đề xuất hệ thống giải pháp thiết thực, khả thi và phù hợp với đặc thù KT-XH của vùng ĐBSCL,

nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT. Các giải pháp bao gồm: nâng cao nhận thức của các chủ thể thực hiện và đối tượng thụ hưởng chính sách về vai trò thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ Trung ương, địa phương và các nguồn tài trợ khác phục vụ cho thực hiện chính sách ASXH đối với NKT có hiệu quả; nâng cao năng lực của hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL trong việc triển khai thực hiện chính sách ASXH đối với NKT trong vùng; hoàn thiện cơ chế, chính sách trong thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL; phát huy sự tự nỗ lực và khắc phục rào cản trong tâm lý, văn hóa, lối sống của NKT trong thực hiện chính sách ASXH ở vùng ĐBSCL. Đây là những vấn đề cốt lõi mà luận án cần giải quyết nhằm đóng góp vào quá trình bảo đảm quyền lợi và cải thiện đời sống cho NKT của vùng.

Tiểu kết chương 1

Chương 2

VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

2.1. CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI VÀ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT HIỆN NAY

2.1.1. Chính sách an sinh xã hội

Khái niệm ASXH:

An sinh xã hội là sự bảo vệ và hỗ trợ của Nhà nước đối với các nhu cầu thiết yếu liên quan trực tiếp đến đời sống con người, nhằm mục tiêu cao nhất là bảo đảm đầy đủ các điều kiện sống, giải phóng con người khỏi mọi hạn chế và bất công, tạo dựng một cuộc sống công bằng, tốt đẹp, qua đó hiện thực hóa các giá trị nhân văn của định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Nội dung của hệ thống ASXH:

Thứ nhất: Hệ thống bảo hiểm xã hội và các thiết chế bảo hiểm mang tính phòng ngừa rủi ro, bao gồm BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp và BHYT.

Thứ hai: Trợ giúp xã hội, mang tính không đóng góp và hướng trực tiếp đến các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương.

Thứ ba: Chính sách ưu đãi xã hội đối với người có công với cách mạng, mang tính đặc thù chính trị - lịch sử.

Thứ tư: Chính sách việc làm và giảm nghèo bền vững, mang tính phát triển và phòng ngừa từ gốc các rủi ro xã hội.

Chính sách an sinh xã hội:

Chính sách ASXH là một hệ thống các biện pháp can thiệp của nhà nước, kết hợp với sự hỗ trợ từ khu vực tư nhân, nhằm đảm bảo các điều kiện sống thiết yếu cho con người trong xã hội để thực hiện mục tiêu giảm thiểu nghèo đói và tổn thương, đồng thời nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và cộng đồng trước những rủi ro hoặc nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, góp phần thúc đẩy sự công bằng, bình đẳng trong xã hội, bảo đảm sự ổn định, phát triển đất nước.

2.1.2. Người khuyết tật và chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật

2.1.2.1. Người khuyết tật

Khái niệm NKT: Người khuyết tật là những người bị khiếm khuyết ở một hoặc nhiều bộ phận cơ thể, dẫn đến suy giảm chức năng và gây khó khăn trong việc thực hiện các hoạt động như di chuyển, học tập, lao động và tiếp cận các dịch vụ công cộng, cần sự hỗ trợ và giúp đỡ từ cộng đồng xã hội để đảm bảo quyền lợi, cơ hội bình đẳng và thụ hưởng các giá trị công bằng trong xã hội.

Phân loại NKT: Theo Luật Người khuyết tật Việt Nam 2010, NKT được chia thành 06 nhóm dạng khuyết tật như sau: Khuyết tật vận động; Khuyết tật nghe, nói; Khuyết tật thị giác; Khuyết tật thần kinh, tâm thần; Khuyết tật trí tuệ; Khuyết tật khác.

2.1.2.2. Chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật

Chính sách ASXH đối với NKT là hệ thống quan điểm, mục tiêu, định hướng và các giải pháp tổng thể do Nhà nước ban hành, cùng với sự tham gia của cộng đồng, nhằm bảo đảm đáp ứng các nhu cầu cơ bản và nâng cao chất lượng cuộc sống của NKT. Mục tiêu của chính sách là thúc đẩy sự hòa nhập

xã hội toàn diện cho NKT, bảo đảm quyền con người, bình đẳng về cơ hội và hướng tới xây dựng một xã hội công bằng, không phân biệt đối xử.

Mục đích và nội dung của chính sách ASXH đối với NKT:

Thứ nhất, cải thiện chất lượng cuộc sống cho NKT; Thứ hai, đảm bảo quyền lợi và bình đẳng; Thứ ba, thúc đẩy hòa nhập xã hội cho NKT; Thứ tư, tăng cường khả năng tự lập cho NKT; Thứ năm, cải thiện hỗ trợ gia đình; Thứ sáu, nâng cao nhận thức và giáo dục.

Chính sách ASXH đối với NKT gồm nhiều *nội dung*. Tập trung chủ yếu ở một số vấn đề như: Chính sách bảo trợ xã hội; Chính sách chăm sóc sức khỏe; Chính sách giáo dục; Chính sách dạy nghề và việc làm.

2.2. QUAN NIỆM, NỘI DUNG, VAI TRÒ VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.2.1. Quan niệm, chủ thể, nội dung, phương thức thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Quan niệm thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật

Thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL là toàn bộ các hoạt động có kế hoạch, có mục đích của các chủ thể trong xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước nhằm biến các chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL thành những kết quả trên thực tế, đem lại sự công bằng, bình đẳng cho NKT và sự phát triển bền vững tại vùng ĐBSCL.

Chủ thể thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật

Một là, tổ chức đảng các cấp; Hai là, chính quyền địa phương gồm chính quyền cấp tỉnh/ thành phố và cấp xã, phường, đặc khu vùng ĐBSCL; Ba là, MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH; Bốn là, các tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư; Năm là, NKT và người thân hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng NKT vùng ĐBSCL.

Nội dung thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật

Một là, bảo trợ xã hội ở vùng ĐBSCL; Hai là, chăm sóc sức khỏe cho NKT ở ĐBSCL; Ba là, giáo dục ở vùng ĐBSCL; Bốn là, dạy nghề và việc làm ở vùng ĐBSCL.

Phương thức thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật

- Triển khai chính sách và các chương trình, đề án, kế hoạch;
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho NKT, gia đình NKT và cộng đồng về các chính sách ASXH;
- Phân công, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức các cấp ở các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL trong thực hiện chính sách ASXH cho NKT;
- Giám sát và đánh giá quá trình thực hiện chính sách ASXH đối với NKT vùng ĐBSCL;
- Tìm các nguồn lực hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL;

2.2.2. Vai trò thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ XHCN và tính nhân văn của giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam ở vùng ĐBSCL.
- Tạo điều kiện xây dựng môi trường CT-XH ổn định và bền vững của vùng ĐBSCL, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.
- Cải thiện việc chăm sóc sức khỏe, nâng cao trình độ học vấn, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và BTXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL.
- Tạo động lực và niềm tin để NKT vươn lên trong cuộc sống, thực hiện tốt nhất những quyền và nghĩa vụ công dân.

2.2.3. Những yếu tố tác động đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Điều kiện tự nhiên, xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long; Điều kiện dân cư, tộc người, văn hóa, tôn giáo vùng ĐBSCL; Đặc điểm của NKT vùng ĐBSCL; Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với vùng ĐBSCL; Và sự tác động của các tổ chức quốc tế.

Tiểu kết chương 2

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

3.1. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

3.1.1. Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với người khuyết tật

3.1.1.1. Những kết quả chủ yếu

Một là, hỗ trợ tài chính cho NKT đặc biệt nặng, NKT nặng và người thân được tăng cường;

Hai là, nuôi dưỡng NKT trong các cơ sở BTXH được đảm bảo.

Những kết quả đạt được trong thực hiện chính sách BTXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh tối thiểu và tạo nền tảng cho quá trình hòa nhập xã hội của NKT trong bối cảnh phát triển mới.

3.1.1.2. Hạn chế

Một là, mức trợ cấp tài chính chưa đáp ứng nhu của NKT.

Hai là, khó khăn trong việc chi trả trợ cấp cho NKT.

Ba là, việc xác định mức hưởng trợ cấp cho NKT còn bất cập.

Bốn là, việc nuôi dưỡng NKT trong các cơ sở BTXH còn hạn chế về nguồn lực tài chính; Thiếu nhân lực chuyên môn; Hạn chế trong dịch vụ y tế và phục hồi chức năng; Công tác rà soát, quản lý NKT đặc biệt nặng, NKT nặng.

3.1.2. Thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe người khuyết tật

3.1.2.1. Kết quả chủ yếu

- Chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú cho NKT được chú trọng;
- Thực hiện tốt chính sách ưu tiên trong khám chữa bệnh;
- Dịch vụ phục hồi chức năng cho NKT được mở rộng;

3.1.2.2. Hạn chế

- Hiệu quả thực hiện chính sách ưu tiên trong khám chữa bệnh đối với NKT còn thấp so với yêu cầu của thực tiễn;

- Khó khăn trong triển khai dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho NKT;

- Hạn chế trong công tác quản lý và thủ tục hành chính còn phức tạp, gây cản trở việc thực hiện chính sách chăm sóc sức khỏe đối với NKT;

3.1.3. Thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật

3.1.3.1. Kết quả chủ yếu

- Giáo dục hòa nhập cho NKT được quan tâm triển khai và từng bước mở rộng;

- Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với NKT được triển khai tương đối đầy đủ.

- Hệ thống giáo dục chuyên biệt và các cơ sở hỗ trợ NKT từng bước được hình thành và phát triển;

3.1.3.2. Hạn chế

Thứ nhất, thực hiện chính sách giáo dục hòa nhập và giáo dục chuyên biệt cho học sinh khuyết tật còn nhiều bất cập: Hạn chế về cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ cho học sinh khuyết tật; Chương trình giáo dục dành cho NKT vẫn còn nhiều hạn chế và chưa thật sự đáp ứng nhu cầu học tập của đối tượng này;

Thứ hai, về chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật tham gia học tập: Mức hỗ trợ tài chính và học bổng dành cho học sinh khuyết tật hiện nay chưa đủ lớn để đáp ứng toàn bộ nhu cầu của họ, dẫn đến nhiều khó khăn trong việc chi trả các khoản phí học tập và sinh hoạt.

Thứ ba, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được đào tạo chuyên sâu về giáo dục đặc biệt còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu của giáo dục hòa nhập.

Thứ tư, việc thực hiện chính sách đối với nhà giáo, cán bộ tham gia giáo dục NKT còn bất cập.

3.1.4. Thực hiện chính sách dạy nghề và việc làm đối với người khuyết tật

3.1.4.1. Kết quả chủ yếu

Thứ nhất, về tổ chức dạy nghề cho NKT: Chính sách dạy nghề cho NKT ở vùng ĐBSCL được chính quyền địa phương và các tổ chức quan tâm thực hiện nhằm giúp NKT nâng cao kỹ năng, tự tạo việc làm và hòa nhập cộng đồng.

Thứ hai, về hỗ trợ việc làm cho NKT: Chính sách tạo việc làm cho NKT được các địa phương quan tâm thực hiện nhằm tạo điều kiện để NKT có cơ hội tham gia lao động, cải thiện thu nhập và từng bước ổn định cuộc sống.

Thứ ba, về chính sách ưu đãi đối với cơ sở sản xuất có sử dụng lao động là NKT và phát triển mô hình việc làm cho NKT: Các cơ sở sản xuất tuyển dụng NKT được hưởng chính sách miễn giảm thuế, hỗ trợ đào tạo nghề và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển bền vững.

3.1.4.2. Hạn chế

Một là, thực hiện chính sách dạy nghề cho NKT còn gặp một số khó khăn: Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ và thiết bị hỗ trợ chưa đầy đủ đáp ứng để thực hiện chính sách.

Hai là, hỗ trợ việc làm và tư vấn nghề nghiệp còn thiếu: Dịch vụ tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho NKT còn hạn chế, làm giảm khả năng hòa nhập vào thị trường lao động.

3.2. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Thứ nhất, chính sách đúng đắn, phù hợp của Đảng và Nhà nước: Đây là nguyên nhân giữ vai trò nền tảng, định hướng đối với kết quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL.

Thứ hai, sự nỗ lực của tổ chức đảng và chính quyền địa phương các cấp trong lãnh đạo và triển khai thực hiện chính sách ASXH đối với NKT: Một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần tạo nên những thành tựu trong thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL thời gian qua là vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức đảng ở địa phương.

Thứ ba, sự đóng góp tích cực của các tổ chức xã hội và cộng đồng cho việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT: Đây là nguyên nhân giữ vai trò quan trọng trong việc bổ trợ nguồn lực, thúc đẩy xã hội hóa và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL.

Thứ tư, sự nỗ lực vươn lên của bản thân NKT: Nhiều NKT đã nỗ lực vươn lên, tham gia các chương trình hỗ trợ và tìm kiếm cơ hội để cải thiện chất lượng cuộc sống của mình. Sự tự nỗ lực vươn lên của NKT ở ĐBSCL đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia hiệu quả các chính sách hỗ trợ và chủ động tìm kiếm cơ hội cải thiện chất lượng cuộc sống.

Thứ năm, sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế: Trong những năm qua, các tổ chức quốc tế, bao gồm các tổ chức phi chính phủ và liên chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng sống và thúc đẩy hòa nhập xã hội cho NKT tại vùng ĐBSCL.

3.2.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, nguồn ngân sách thực hiện chính sách đối với NKT còn hạn chế, chưa đủ đáp ứng nhu cầu, phân bổ không đồng đều.

Hai là, năng lực của đội ngũ quản lý và nhân viên thực hiện chính sách còn hạn chế, thủ tục để thụ hưởng chính sách còn phức tạp.

Ba là, cơ sở vật chất chưa đầy đủ và khó khăn cho sự tiếp cận của NKT.

Bốn là, sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với NKT vẫn tồn tại trong cộng đồng, một số NKT chưa nhận thức được đầy đủ về quyền lợi của chính sách ASXH đối với NKT.

Năm là, sự phối hợp của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc triển khai các chính sách chưa được thực hiện hiệu quả, dẫn đến chồng chéo hoặc thiếu sót trong thực hiện chính sách.

Sáu là, thách thức từ đặc thù địa phương: Điều kiện KT-XH khó khăn của vùng ĐBSCL là một trong những nguyên nhân chính cản trở việc triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ NKT.

3.2.2. Một số vấn đề đặt ra trong thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao đối với việc thực hiện chính sách ASXH với hạn chế trong nhận thức về vị trí, vai trò việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT của đội ngũ cán bộ, bản thân NKT ở vùng ĐBSCL hiện nay.

- Bất cập giữa đòi hỏi ngày càng nhiều về nguồn lực để thực hiện chính sách ASXH đối với NKT và hạn chế nguồn lực của các địa phương trong vùng.

- Mâu thuẫn giữa hạn chế trong văn hóa, tâm lý, lối sống của NKT vùng ĐBSCL với thực chất việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT hiện nay.

- Bất cập giữa chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về thực hiện chính sách ASXH đối với NKT và cơ chế triển khai thực hiện trên thực tế của các địa phương trong vùng.

Tiểu kết chương 3

Chương 4

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

4.1. YÊU CẦU CƠ BẢN NHẪM TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

4.1.1. Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long phải gắn với chiến lược phát triển toàn diện của vùng

Phát triển toàn diện vùng ĐBSCL trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và quốc phòng - an ninh là cơ sở quan trọng, có tính quyết định đối với việc bảo đảm ASXH nói chung và đối với NKT nói riêng. Trong thực tiễn phát triển xã hội, mức độ bảo đảm ASXH luôn gắn chặt với trình độ phát triển KT-XH của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ.

4.1.2. Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long phải trên cơ sở đặc thù của vùng

Một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu trong quá trình triển khai chính sách ASXH đối với NKT tại vùng ĐBSCL là phải đặt chính sách trên cơ sở phân tích đầy đủ và nghiêm túc các yếu tố đặc thù của vùng. Đây là khu vực đang chịu tác động đan xen của nhiều thách thức về kinh tế, xã hội, môi trường và dân cư.

4.1.3. Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong vùng

Thực hiện chính sách ASXH đối với NKT không chỉ là một hoạt động mang ý nghĩa hỗ trợ thuần túy, mà còn là biểu hiện sinh động của bản chất nhân đạo, tiến bộ và công bằng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Chính sách ASXH hướng tới NKT là sự cụ thể hóa quyền con người và công dân, là những giá trị được thể hiện trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật hiện hành.

4.1.4. Thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long dựa trên sự tự nỗ lực của người khuyết tật

Trong bối cảnh cả nước cũng như ở ĐBSCL đang thúc đẩy tiến trình phát triển bền vững, đòi hỏi đặt ra đối với các chính sách ASXH không chỉ dừng lại ở việc bảo đảm quyền lợi cho các nhóm yếu thế mà còn phải tạo điều kiện để họ có thể tự khẳng định mình, vươn lên và đóng góp vào đời sống xã hội một cách chủ động.

4.2. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

4.2.1. Nâng cao nhận thức của các chủ thể thực hiện và thụ hưởng chính sách về vai trò thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, với các chủ thể thực hiện:

- Đối với các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương, tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước về NKT;

- Đối với MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, cần xây dựng các chương trình truyền thông chuyên biệt, phối hợp với các cơ quan báo chí, đài phát thanh - truyền hình, tổ chức truyền thông trên các nền tảng báo chí truyền thống, mạng xã hội, đồng thời lồng ghép tuyên truyền trong các hoạt động phong trào tại cơ sở,...

- Đối với các tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư, cần tập trung vào trách nhiệm xã hội, hiểu biết pháp lý và kỹ năng tham gia chính sách.

Hai là, đối với nhóm thụ hưởng chính sách:

- *Đối với NKT, cần triển khai các giải pháp như: tổ chức huấn luyện theo chuyên đề với nội dung trực quan, dễ hiểu; xây dựng và phát hành tài liệu hướng dẫn dưới nhiều định dạng phù hợp (chữ nổi, sách nói, video có phụ đề).*

- *Đối với người thân hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng NKT, cần triển khai các giải pháp như: tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức pháp lý và kỹ năng chăm sóc phù hợp với trình độ chung của người dân địa phương.*

4.2.2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ Trung ương, địa phương và các nguồn tài trợ khác cho việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, huy động nguồn lực từ TW: (1) Bố trí và phân bổ ngân sách hợp lý từ TW; (2) Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia tuyển dụng và đào tạo nghề cho NKT ở ĐBSCL; (3) Phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ tiếp cận cho NKT; (4) Đẩy mạnh chính sách ASXH gắn với đặc thù vùng ĐBSCL; (5) Giám sát, đánh giá và điều chỉnh chính sách một cách linh hoạt.

Thứ hai, huy động nguồn lực từ địa phương: (1) Huy động nguồn lực từ ngân sách địa phương; (2) Tăng cường xã hội hóa và hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức xã hội kêu gọi doanh nghiệp tham gia tuyển dụng NKT, hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, quỹ từ thiện và phát động phong trào hỗ trợ NKT trong cộng đồng; (3) Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ tiếp cận cho NKT; (4) Hỗ trợ sinh kế và đào tạo nghề cho NKT; (5) Đẩy mạnh công tác truyền thông và huy động sự tham gia của xã hội; (6) Giám sát, đánh giá và điều chỉnh chính sách.

Thứ ba, khai thác các nguồn tài trợ khác (bao gồm các nguồn lực tài chính, kỹ thuật, con người và tri thức) cho việc thực hiện chính sách ASXH đối với NKT vùng ĐBSCL.

Thứ tư, giám sát và minh bạch trong sử dụng nguồn lực hỗ trợ NKT.

4.2.3. Đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong việc triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật trong vùng

Về phía tổ chức đảng các cấp: chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật liên quan đến NKT cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và người dân.

Về phía chính quyền địa phương các cấp (tỉnh, xã, phường, đặc khu): cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho cán bộ thông qua việc tổ chức các đợt tập huấn chuyên sâu về chính sách ASXH dành cho NKT.

Về phía MTTQ và các đoàn thể CT-XH: cần phát huy hiệu quả mạng lưới tổ chức rộng khắp từ cấp tỉnh đến xã, ấp, vốn là một lợi thế quan trọng trong việc tiếp cận và hỗ trợ NKT ở các điểm nông thôn, xa trung tâm.

Về phía cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị cơ sở: Cần nâng cao đạo đức công vụ và trách nhiệm của đội ngũ thực hiện chính sách.

4.2.4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách trong thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người khuyết tật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, ở cấp Trung ương, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và các chính sách ASXH có liên quan đến trợ cấp xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo nghề và tạo việc làm cho NKT theo hướng cụ thể hóa, tăng tính khả thi và dễ thực hiện trong điều kiện thực tế tại địa phương.

Thứ hai, ở cấp địa phương, cơ chế quản lý và triển khai chính sách ASXH cho NKT cần được hoàn thiện theo hướng chủ động, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương trong vùng ĐBSCL.

Thứ ba, về cơ chế phối hợp liên ngành, cần xây dựng và thể chế hóa một quy chế phối hợp liên ngành trong việc thực hiện chính sách ASXH dành cho NKT.

Thứ tư, về cơ chế phản hồi, giám sát và điều chỉnh chính sách, cần hoàn thiện cơ chế tiếp nhận ý kiến và khiếu nại từ NKT bằng nhiều hình thức linh hoạt.

4.2.5. Phát huy sự tự nỗ lực và khắc phục rào cản trong tâm lý, văn hóa của người khuyết tật trong thực hiện chính sách an sinh xã hội ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trước hết, về phía bản thân NKT, cần có sự chuyển biến căn bản trong tư duy tiếp cận chính sách; Cùng với đó, NKT cần chú trọng rèn luyện các kỹ năng sống cơ bản.

Thứ hai, về gia đình và người thân của người khuyết tật, cần có những chương trình truyền thông, tư vấn tâm lý và hướng dẫn kỹ năng sống dành cho gia đình có NKT nhằm thay đổi nhận thức, từ chỗ “làm thay” sang “đồng hành”, từ bảo vệ sang trao quyền.

Thứ ba, về phía các cơ quan quản lý nhà nước: cần chuyển từ cách tiếp cận hỗ trợ mang tính cấp phát sang cách tiếp cận dựa trên phát triển năng lực và tạo cơ hội.

Thứ tư, các tổ chức CT - XH khác: Bên cạnh Nhà nước, các tổ chức CT-XH, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp cần đóng vai trò là các đối tác hỗ trợ tích cực trong việc tạo dựng môi trường khuyến khích NKT phát huy nội lực.

Tiểu kết chương 4

KẾT LUẬN

1. An sinh xã hội là hệ thống bảo vệ và hỗ trợ do Nhà nước tổ chức nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người như ăn, ở, chăm sóc sức khỏe, học tập và việc làm, đồng thời hướng đến mục tiêu công bằng, bình đẳng xã hội. Trong XHCN, ASXH không chỉ dừng lại ở việc trợ giúp mà còn tạo điều kiện để con người vượt qua rủi ro, phát triển toàn diện và vươn tới cuộc sống tự do, hạnh phúc. Chính sách AXH vì vậy được hiểu là tổng thể các can thiệp của Nhà nước, có sự phối hợp với khu vực tư nhân và cộng đồng, nhằm giảm nghèo, phòng ngừa rủi ro, nâng cao năng lực tự bảo vệ và đóng góp vào phát triển bền vững. Đối với NKT, chính sách ASXH giữ vai

trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm quyền lợi, tạo cơ hội bình đẳng và thúc đẩy hòa nhập xã hội. Ở vùng ĐBSCL, việc thực hiện chính sách này là quá trình cụ thể hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước thông qua hoạt động của chính quyền địa phương, các tổ chức CT-XH và cộng đồng dân cư, phù hợp với đặc thù tự nhiên, kinh tế và văn hóa của vùng. Chủ thể thực hiện bao gồm tổ chức đảng, chính quyền các cấp, MTTQ, các tổ chức CT-XH, các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư, cùng với chính bản thân NKT và gia đình. Nội dung triển khai tập trung vào các lĩnh vực cơ bản như bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề và tạo việc làm; được thực hiện thông qua nhiều phương thức như tổ chức thực thi chính sách, tuyên truyền nâng cao nhận thức, phối hợp liên ngành, giám sát, đánh giá và huy động nguồn lực. Những kết quả đạt được đã góp phần cải thiện đời sống NKT, củng cố niềm tin của nhân dân vào chính quyền, thúc đẩy phát triển bền vững và thể hiện rõ tính nhân văn của chế độ.

2. Trên cơ sở khung lý thuyết đã xây dựng, luận án đã tập trung phân tích thực trạng thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL trên bốn lĩnh vực chủ yếu: bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và dạy nghề, việc làm. Các nội dung này được xem xét toàn diện trên cả phương diện kết quả đạt được và những hạn chế còn tồn tại, dựa trên sự tổng hợp các công trình nghiên cứu, báo cáo của các cơ quan chức năng và kết quả điều tra xã hội học của tác giả, đồng thời có sự so sánh giữa các địa phương trong vùng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, việc thực hiện chính sách vẫn còn không ít bất cập xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả yếu tố chủ thể và phương thức triển khai. Từ đó, luận án đã chỉ ra năm nguyên nhân của thành tựu và sáu nguyên nhân của hạn chế, đồng thời khái quát bốn vấn đề lớn đặt ra trong thực tiễn. Đó là: mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao của chính sách với hạn chế trong nhận thức của đội ngũ cán bộ và của chính NKT; bất cập giữa nhu cầu ngày càng lớn về nguồn lực với khả năng đáp ứng còn hạn chế của địa phương; sự không tương thích giữa những rào cản về tâm lý, văn hóa, lối sống của NKT với yêu cầu thực thi chính sách; và khoảng cách giữa chủ trương, chính sách với cơ chế tổ chức thực hiện trong thực tế. Những vấn đề này không chỉ phản

ánh tính phức tạp của quá trình thực hiện chính sách mà còn đặt ra yêu cầu phải có những giải pháp đồng bộ, phù hợp với đặc thù vùng để nâng cao hiệu quả trong giai đoạn tới.

3. Trong bối cảnh giai đoạn 2025-2030, việc nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH đối với NKT ở vùng ĐBSCL có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ nhằm bảo đảm quyền lợi và nâng cao chất lượng cuộc sống cho NKT mà còn góp phần thúc đẩy sự hòa nhập xã hội và phát triển bền vững của toàn vùng. Đây là khu vực chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai và còn tồn tại tỷ lệ hộ nghèo cao, khiến NKT gặp nhiều khó khăn hơn trong tiếp cận các dịch vụ cơ bản. Do đó, việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách cần được đặt trên các quan điểm: gắn với chiến lược phát triển KT-XH của vùng; dựa trên đặc thù tự nhiên, kinh tế, văn hóa; bảo đảm sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị; đồng thời phát huy vai trò chủ động, tự nỗ lực của chính NKT. Trên cơ sở đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp như: nâng cao nhận thức của các chủ thể và đối tượng thụ hưởng; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ Trung ương, địa phương và xã hội; tăng cường năng lực của hệ thống chính trị cơ sở; hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy trình tổ chức thực hiện; đồng thời hỗ trợ người khuyết tật vượt qua rào cản tâm lý, văn hóa để chủ động hòa nhập. Việc thực hiện hiệu quả các giải pháp này không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp cho NKT mà còn góp phần xây dựng một xã hội công bằng, nhân văn, giảm gánh nặng cho gia đình và tạo động lực cho phát triển KT-XH bền vững của vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Trần Hồng Trang (2024), “Tác động của hội nhập quốc tế đến việc thực hiện chính sách đối với người khuyết tật ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/08/15/tac-dong-cua-hoi-nhap-quoc-te-den-viec-thuc-hien-chinh-sach-doi-voi-nguoi-khuyet-tat-o-viet-nam-hien-nay/>; ngày 20/8/2024.
2. Trần Hồng Trang (2025), “Nhận diện những rào cản trong việc tiếp cận sinh kế bền vững của người khuyết tật ở Việt nam hiện nay”, *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội Lý luận và thực tiễn*, Số 38 (8-2025), tr.27-32.
3. Trần Hồng Trang (2025), “Một số giải pháp xây dựng và thực hiện tốt chính sách nhằm tăng cường khả năng thích ứng của người khuyết tật trước biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục Lý luận*, số 393 (9/2025), tr.69-73.
4. Trần Hồng Trang (2025), “Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách đối với người khuyết tật ở tỉnh An Giang hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/10/30/giai-phap-nang-cao-hieu-qua-thuc-hien-chinh-sach-doi-voi-nguoi-khuyet-tat-o-tinh-an-giang-hien-nay/>, ngày 30/10/2025.
5. Trần Hồng Trang (2025), “Chính sách về người khuyết tật ở Việt Nam thời kỳ đổi mới - Nhìn từ lý luận phát triển toàn diện con người”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 420 (11-2025), tr.85-92.